

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương của Công ty TNHH T&P New Star

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 23/3/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương của Công ty TNHH T&P New Star; Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 1/4/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương; Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc cho phép Công ty TNHH T&P New Star chuyển mục đích sử dụng đất đợt 1 để thực hiện dự án Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương;

Xét Văn bản số 11189/STNMT-BVMT ngày 04/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương của Công ty TNHH T&P New Star;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1693/Tr-STNMT ngày 30/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH T&P New Star (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày của Công ty TNHH T&P New Star thực hiện tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương, Giám đốc Công ty TNHH T&P New Star và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Quảng Trạch (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày tại xã Quảng Trạch,
huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá của Công ty TNHH T&P New Star

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà máy may mặc và may linh phụ kiện giày.
- Địa điểm thực hiện: Tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH T&P New Star.
- + Người đại diện: Chu Tuấn Phương; Chức vụ: Giám đốc.
- + Địa chỉ trụ sở chính: Số HH03-01 đường Hoa Hồng 3 - Khu đô thị Vinhomes Star City, phường Đông Hải, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi dự án

Dự án được thực hiện trên khu đất thuộc địa giới hành chính xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá với tổng diện tích 18.849,4 m².

1.2.2. Quy mô, công suất dự án

- Quy mô sản xuất: 1.300.000 sản phẩm/năm. Bao gồm:
 - + Sản phẩm may mặc: 300.000 sản phẩm/năm.
 - + Sản phẩm mặt giày: 500.000 đôi sản phẩm/năm.
 - + Sản phẩm dây giày: 500.000 đôi sản phẩm/năm.
- Tổng số người làm việc: tối đa 1000 người làm việc theo ca.
- Loại hình dự án: Gia công, sản xuất mặt giày, dây giày và sản phẩm may mặc.
 - Công nghệ sản xuất:
 - + Sản xuất sản phẩm may mặc: Nguyên liệu (Vải...) → cắt → may → là → kiểm tra → hoàn thiện, đóng gói → xuất bán.
 - + Sản xuất mặt giày: Nguyên liệu (Vải, da, PU...) → Pha cắt → In xoa → Kho trung chuyển → May chi tiết → Kiểm tra.
 - + Sản xuất dây giày: Nguyên liệu (Sợi tổng hợp...) → Kéo sợi → Bện → Ghép miếng đệm vào đầu dây giày → Hoàn thiện → Kiểm tra.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình của dự án:
 - + Các hạng mục công trình chính: Nhà xưởng số 1 (01 tầng, diện tích 4.000m²); Nhà xưởng số 2 (01 tầng, diện tích 4.000 m²).
 - + Các hạng mục công trình phụ trợ: Nhà để xe công nhân; nhà ăn ca; nhà

phụ trợ; khu nhà vệ sinh; nhà bảo vệ; khu xử lý nước thải; cây xanh....

- Hoạt động của dự án: Sản xuất trang phục quần áo, linh phụ kiện giày (dây giày, mặt giày...), hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng 17.119,2 m² đất trồng lúa 02 vụ, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: san nền, vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm; hoạt động sinh hoạt của công nhân,... phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn...tác động đến công nhân, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt 4,6 m³/ngày gồm: nước thải vệ sinh 2,3 m³/ngày; nước rửa tay chân 2,3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, động thực vật, Coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 2,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng ngày lớn nhất 83,90 lit/s. Thành phần chủ yếu bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu,... Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, SO₂, NO_x, CO,...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 32 kg/ngày, thành phần chủ yếu: Thức ăn thừa, lá cây, cành cây, gỗ, giấy loại, thủy tinh, nhựa, nilon, sành sứ, vỏ đồ hộp, kim loại, cao su,...

- Chất thải rắn xây dựng: đất bóc bề mặt từ diện tích đất có nguồn gốc trồng lúa nước 2 vụ 5.135,76 m³; vật liệu rơi vãi 25,8 tấn; sắt thép thừa, gỗ cốp

pha loại,... 5,51 tấn; vỏ bao xi măng 136,6 kg; Đất đào dư thừa từ quá trình thi công các hạng mục công trình 691,17 m³.

3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại gồm giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy,... khối lượng khoảng 2 kg/tháng; vỏ thùng sơn khoảng 40 kg/tháng.

- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa khoảng 80 lít/giai đoạn thi công.

3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn, độ rung

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển nguyên nhiên vật liệu; các rủi ro, sự cố môi trường như: cháy nổ, an toàn lao động,...

3.1.4. Các rủi ro, sự cố môi trường

- Dự án làm mất đất nông nghiệp chủ yếu là diện tích đất trồng lúa 02 vụ của người dân xã Quảng Trạch. Việc chiếm dụng diện đất sản xuất nông nghiệp của các hộ dân gây thiệt hại về thu nhập, ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và tâm lý người dân.

- Các rủi ro, sự cố môi trường: Rủi ro, sự cố thiên tai, mưa lũ trong quá trình thi công; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố bom mìn tồn lưu; sự cố ngộ độc thực phẩm; sự cố dịch bệnh.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải:

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 44 m³/ngày (bao gồm nước tắm rửa tay, giặt 22 m³/ngày đêm; nước nhà vệ sinh 22 m³/ngày đêm), thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải sản xuất gồm:

+ Nước thải từ xử lý khí thải của lò hơi nước 1,0 m³/ngày đêm, chủ yếu chứa cặn và một số hợp chất từ quá trình hấp thụ các khí thải.

+ Nước thải rửa khung in xoa, thùng pha keo, trộn keo 0,15 m³/ngày đêm, thành phần chủ yếu là chất thoát khuôn, keo, dung môi hữu cơ từ keo, mực in...

- Nước mưa chảy tràn: lưu lượng 151,41 lit/s, thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án; từ công đoạn in xoa pha chế keo, hoá chất; vận hành máy phát điện.... Thành phần chủ yếu: Bụi, CO, NO₂, CO₂, SO₂, VOC...

- Mùi, khí thải phát sinh từ công trình thu gom, xử lý nước thải, khu tập kết chất thải rắn. Thành phần chủ yếu: H₂S; NH₃; CH₄...

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 300 kg/ngày. Thành phần chủ yếu: túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì,...

- Chất thải rắn sản xuất bao gồm: vải, da cắt thừa, chỉ thừa hỏng,.... khoảng 124,03kg/ngày; kim may gãy hỏng, cúc, kéo gãy hỏng phát sinh khoảng 0,29 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình quét dọn vệ sinh khuôn viên dự án có thành phần như: lá cây, giấy vụn... là 8,0 kg/ngày.đêm.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, bể lắng nước xử lý khí thải ... là 49,28 m³/năm.

3.2.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án gồm: Bóng đèn neon, ắc quy, pin, hộp mực in...khoảng 4,0kg/tháng; than hoạt tính thải khoảng 26,7 kg/tháng; vỏ thùng đựng hoá chất, keo dán khoảng 11,7kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, thay dầu thiết bị máy của dự án khoảng 16,0 lít/lần thay; từ quá trình rửa khung in xoa, thùng pha keo, trộn keo 0,15 m³/ngày đêm, thành phần chủ yếu là chất thoát khuôn, keo, dung môi hữu cơ từ keo, mực in...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình sản xuất; từ phương tiện ra vào nhà máy,...

3.2.4. Các rủi ro, sự cố môi trường

Các rủi ro, sự cố môi trường: Sự cố chập điện, cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; sự cố mưa bão; sự cố mất điện, mất nước; sự cố hư hỏng hệ thống thoát nước thải, các công trình xử lý nước thải; sự cố hóa chất; sự cố ngạt khí hơi dung môi hữu cơ.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Giai đoạn xây dựng

4.1.1. Công trình biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay, chân thu gom về hồ lắng thể tích 3,0 m³ (lót vải địa kỹ thuật HDPE thành và đáy để chống thấm) → hệ thống thoát nước phía Đông Bắc dự án.

- Nước thải vệ sinh thu gom, xử lý bằng 05 nhà vệ sinh di động (kích thước 2600mm x 1.350mm x 900mm) đặt tại khu lán trại và công trường thi công; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 01 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

- Nước thải xây dựng thu dẫn về 01 bể lắng dung tích 3,0 m³ (lót vải địa kỹ thuật HDPE thành và đáy để chống thấm) tại khu vực lán trại → hệ thống thoát nước phía Đông Bắc dự án.

- Nước mưa chảy tràn: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm thời có độ dốc về phía Đông Bắc hướng ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

4.1.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính... theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Dùng xe xitéc 5,0m³, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xitéc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển nguyên vật liệu trước khi ra khỏi khu vực thi công; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lốp xe trước khi ra khỏi công trường; các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Lắp dựng tường rào tạm cao 2,5m dài 677m quanh vị trí gần khu vực mặt đường Thanh Niên hiện trạng phía Đông Bắc dự án để giảm thiểu bụi khuếch tán.

4.1.3. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng đựng rác có nắp đậy với dung tích 50 lít tại khu vực lán trại và khu vực công trường thi công; đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng của địa phương vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 01 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Đối với cát, đá rơi vãi có khối lượng khoảng 25,8 tấn: tận dụng làm vật liệu san nền tại dự án.

+ Bao bì xi măng có khối lượng khoảng 136,6 kg và mẫu sắt thép thừa, gỗ cốt pha loại có khối lượng khoảng: 5,51 tấn trong giai đoạn triển khai xây dựng: thu gom với tần suất 01 lần/ngày và tập kết tại khu vực lán trại, định kỳ bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

+ Đối với bóc bề mặt từ diện tích đất có nguồn gốc trồng lúa nước 2 vụ có khối lượng 5.135,76 m³: Sử dụng để đắp trực tiếp vào khu vực dự kiến trồng cây xanh với diện tích 3.785,63 m² (có phương án sử dụng tầng đất mặt của chủ đầu tư và được Sở nông nghiệp thống nhất tại văn bản số 2255/SNN&PTNT-TT&BVTV).

+ Đối với đất đào dư thừa từ quá trình thi công các hạng mục công trình có khối lượng 691,17 m³, tận dụng đắp vào khu vực trồng cây xanh bên trong khu vực dự án.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 02 thùng chứa (dung tích 50 lít/thùng; 100 lít/thùng) có dán nhãn cảnh báo nguy hại, nắp đậy theo quy định để lưu giữ chất thải nguy hại dạng rắn, lưu trữ tạm tại khu chứa riêng cạnh khu vực lán trại có mái che

bằng tôn, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Chất thải lỏng nguy hại: Trang bị ít nhất 01 thùng chứa (dung tích 100l) có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định để chứa chất thải lỏng nguy hại và lưu chứa cùng chất thải rắn nguy hại.

4.1.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì, nhằm đảm bảo an toàn trong thi công và đảm bảo các quy chuẩn về môi trường;

- Hạn chế tối đa các máy móc, phương tiện thi công hoạt động đồng thời.

- Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.1.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp giảm thiểu tác động do tai nạn lao động, tai nạn giao thông:

- + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân trong quá trình thi công theo quy định; bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- + Phương tiện vận chuyển sử dụng đảm bảo các quy định về đặc tính kỹ thuật tuân thủ theo đúng tuyến đường vận chuyển đã được phê duyệt; quá trình tập kết nguyên vật liệu tránh tập trung vào một thời điểm.

- + Trong điều kiện trời mưa lớn đơn vị thi công cần dừng toàn bộ quá trình thi công để đảm bảo an toàn cho công nhân như máy móc, thiết bị.

- + Lắp đặt biển báo công trường đang thi công tại những nơi phù hợp, dễ quan sát.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố cháy nổ: Lắp đặt biển báo hiệu nguy hiểm tại khu vực kho chứa nhiên liệu dễ cháy nổ và đặt biển cấm lửa; trang bị bình bọt chữa cháy, máy bơm nước và vòi phun tại khu vực lán trại công nhân để đề phòng khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất lúa: Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù đất, hoa màu, theo đơn giá vào thời điểm kiểm đếm chi tiết, bảo đảm đủ, kịp thời ngân sách cho công tác giải phóng mặt bằng; thực hiện các biện pháp hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề đề xuất trong phương án bồi dưỡng hỗ trợ và tái định cư.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến tiêu thoát nước khi nâng cao cos nền khu vực dự án: chủ đầu tư thường xuyên nạo vét khơi thông dòng chảy, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến việc tiêu thoát nước khu vực. Đối với tuyến mương làm nhiệm vụ cấp nước sản xuất nông nghiệp khu vực phía Tây dự án bị chiếm dụng dự án chủ đầu tư không san lấp tuyến mương, chỉ bố trí nắp trên tuyến mương để không ảnh hưởng đến hoạt động cấp nước sản xuất nông nghiệp cho khu vực.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: thu gom bằng hệ thống máng thu nước mái, ống nhựa PVC, nước mưa chảy tràn bề mặt khuôn viên nhà máy theo cửa thu nước dẫn về hệ thống rãnh thoát nước mưa có các hố gas để lắng cặn trước khi thoát ra hệ thống thoát nước phía Bắc dự án rồi thoát về hệ thống thoát nước dọc tuyến đường Thanh Niên phía Đông Bắc dự án.

- Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) xử lý sơ bộ trong 04 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 180 m^3); nước thải rửa tay chân, tắm giặt → bể lắng thể tích 6 m^3 để lắng cặn.

- Nước thải sản xuất thu gom bằng 6 thùng chứa chuyên dụng Schutz, thể tích mỗi thùng 1 m^3 , đặt trong khu vực chứa chất thải nguy hại rộng 30 m^2 (có vách ngăn với khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất) đặt tại nhà phụ trợ đặt tại phía Tây dự án. Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý theo quy định.

- Dung dịch nước vôi từ xử lý khí thải lò hơi: dẫn qua bể lắng dung tích $2,0 \text{ m}^3$ sau đó tái sử dụng, định kỳ nạo vét bùn thải, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để tiếp tục xử lý. Quy trình, công nghệ xử lý như sau: Hố thu gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → hệ thống thoát nước phía Đông Bắc khu vực dự án.

Nước sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, thoát tạm ra hệ thống thoát nước phía Đông Bắc dọc tuyến đường Thanh Niên bằng phương pháp bơm cưỡng bức (máy bơm công suất $3,7 \text{ kW}$), sau đó thoát ra tuyến sông Lý cách dự án $1,6 \text{ km}$ về phía Nam, tọa độ điểm xả (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): $X(\text{m}) = 2183712.4310$; $Y(\text{m}) = 578893.9591$. Sau khi tuyến đường theo Quy hoạch chung phía Tây dự án được đầu tư, Chủ đầu tư thực hiện đầu nối vào hệ thống thoát nước dọc tuyến đường phía Tây theo định hướng quy hoạch chung.

4.2.2. Đối với thu gom và xử lý bụi và khí thải

- Đối với khu vực nhà xưởng:

+ Bụi phát sinh từ quá trình cắt vải, da: Sử dụng 02 thiết bị lọc bụi túi vải Dr.Clean Air (đường kính túi 495 mm , chiều cao túi 830 mm) để thu gom bụi. Hằng ngày, công nhân rũ túi vải và thu gom bụi đưa về khu vực chứa chất thải rắn sản xuất.

+ Xưởng sản xuất và nhà phụ trợ bố trí các hệ thống làm mát (tấm Cooling pad); hệ thống quạt thông gió để điều hòa vi khí hậu của nhà xưởng và nhà phụ trợ.

+ Thiết kế nhà xưởng gia công và nhà phụ trợ, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ khu vực pha chế keo hoá chất: thu gom bằng 02 chụp hút; từ khu vực quét keo, dán keo, in xoa: thu gom bằng 10 chụp hút. Các chụp hút này theo quạt hút dẫn đến 01 hệ thống buồng hấp thụ bằng than

hoạt tính, quy trình: Bụi, khí thải → Hệ thống chụp hút → Quạt hút (công suất 8.700 m³/giờ) → Buồng hấp thụ khí than hoạt tính → Ống thoát khí đường kính Ø700mm, cao 15m.

- *Đối với khu vực kho chứa hoá chất:* Thực hiện quây kín kho chứa; lắp đặt biển cảnh báo, trang bị PCCC đầy đủ; ban hành quy định quản lý và vận hành kho hoá chất; lắp đặt hệ thống thiết bị Camera, nhiệt kế để giám sát, kiểm soát.

- *Đối với bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi tại nhà phụ trợ phía Tây dự án:*

Bụi, khí thải → hệ thống Cyclon thu bụi → Tháp hấp thụ màng nước vôi trong → ống thoát khí cao 15m → môi trường.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân; thực hiện vệ sinh công nghiệp hằng ngày tại các khu nhà xưởng.

- *Đối với hoạt động của các phương tiện ra, vào Nhà máy:* Bảo dưỡng định kỳ, đăng kiểm đúng hạn, tuân thủ đúng vận tốc quy định.

- Vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy.

- Trồng cây xanh khu vực Nhà máy, đặc biệt dọc tuyến đường nội bộ và khu vực xử lý nước thải, tập kết chất thải rắn đảm bảo mật độ cây xanh theo quy định.

- Vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung, rà soát bảo dưỡng định kỳ, tránh phát tán mùi hôi ra môi trường, các thùng đựng rác phải có nắp và đưa đi xử lý hàng ngày.

4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

- *Đối với rác thải sinh hoạt:*

+ Phân loại tại nguồn theo quy định tại Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

+ Trang bị và sử dụng các thùng rác loại 5 lít/thùng; 20 lít/thùng; 30 lít/thùng, 60 lít/thùng, 240 lít/thùng,...có nắp đậy bố trí trong các phòng chức năng, nhà văn phòng, nhà xưởng và khu vực sân đường nội bộ. Bố trí đội vệ sinh thu gom hằng ngày về kho lưu giữ chất thải rắn hằng ngày.

+ Kho lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt trang bị 4 thùng chứa composit có thể tích 240 lít có nắp đậy diện tích 30m² có mái che, dán nhãn, mặt sàn không bị thấm thấu (có vách ngăn với khu vực chứa chất thải rắn sản xuất và chất thải nguy hại) đặt tại nhà phụ trợ phía Tây dự án diện tích 990m² (bao gồm khu vực đặt lò hơi, khu chứa hàng và khu chứa chất thải rắn xây vách ngăn cách với nhau). Hợp đồng với Công ty môi trường địa phương vận chuyển đi xử lý tần suất 01 lần/ngày.

- *Chất thải rắn sản xuất:* Đối với bụi vải, da, chỉ thừa, sản phẩm lỗi, kim may gãy hỏng: Trang bị các thùng rác loại 240 lít/thùng có nắp đậy bố trí tại các nhà xưởng sản xuất; thu gom và đưa đến khu vực lưu giữ chất thải rắn sản xuất diện tích 30m² (có vách ngăn với khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại) và trang bị 8 thùng chứa composit có thể tích 240 lít có nắp

đặt tại nhà phụ trợ phía Tây dự án. Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, bể lắng chất thải từ xử lý khí thải có khối lượng là 49,28 m³/năm: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị chức năng thông hút, vận chuyển xử lý theo quy định.

4.2.4. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh: phân loại ngay khi phát sinh và lưu chứa trong các thùng chứa CTNH tại kho chứa CTNH.

- Kho chứa CTNH có tổng diện tích 30 m² (có vách ngăn với khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn sản xuất) đặt tại nhà phụ trợ đặt tại phía Tây dự án; bên trong bố trí các thùng chuyên dụng đựng chất thải, dung tích thùng (loại chuyên dụng 200 lít bao gồm 2 thùng chứa than hoạt tính thải; loại 1,0 m³/thùng bao gồm 6 thùng chứa nước thải từ hoạt động rửa khung in xoa, thùng pha keo, trộn keo và loại 50 lít bao gồm 1 thùng chứa chất thải lỏng nguy hại khác) có nắp đậy, dán nhãn mác để lưu chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đưa đi xử lý theo quy định.

4.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bảo trì các dây truyền thiết bị theo đúng định kỳ.

- Khi có sự cố hỏng hóc trên các dây truyền hoặc máy móc thiết bị cần phải dừng vận hành ngay và sửa chữa trước khi cho vào hoạt động lại.

- Trên các dây chuyền máy móc thiết bị gây tiếng ồn lớn phải được lắp các thiết bị giảm âm là các đệm cao su được lót dưới chân để các máy móc, thiết bị.

- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng cho công nhân tham gia vận hành trên những dây truyền máy móc có tiếng ồn lớn như: nút tai chống ồn.

4.2.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Sự cố cháy nổ: Đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả; có phương án PCCC, tổ chức tập huấn, đào tạo và diễn tập cho đội PCCC của Công ty định kỳ 01 lần/năm.

- Sự cố hệ thống xử lý chất thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý chất thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý chất thải.

- Sự cố tai nạn lao động: Lắp đặt bảng nội quy an toàn lao động; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; tuyên truyền, tập huấn nâng cao ý thức người lao động.

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên theo dõi hoạt động và

thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; bố trí nhân viên quản lý, vận hành và giám sát vận hành các hệ thống thu gom, xử lý nước thải; bố trí các thiết bị dự phòng để thay thế các thiết bị của hệ thống XLNT khi gặp sự cố. Xây dựng kế hoạch phòng ngừa sự cố môi trường, theo đó xác định các biện pháp khắc phục khi xảy ra sự cố môi trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tổ chức thực hiện phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; tuân thủ quy định của Luật Đất đai và các văn bản pháp luật có liên quan về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; không bố trí khu vực phát sinh bụi, mùi, khí thải gần khu dân cư; đảm bảo tuân thủ QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động môi trường đối với các loại chất thải phát sinh phải được thu gom, quản lý và xử lý đạt các yêu cầu về QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN

27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 02: 2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT về Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện đúng quy định về bảo đảm diện tích cây xanh trong khuôn viên Dự án, diện tích cây xanh cách ly với khu vực dân cư và với các công trình công cộng; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình của Dự án tuân thủ theo các quy định của pháp luật về xây dựng.

- Thực hiện quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; xây dựng, huấn luyện lực lượng tại chỗ cho ứng phó sự cố môi trường; xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về bảo vệ môi trường và bồi thường thiệt hại đối với môi trường và xã hội nếu trong quá trình hoạt động gây ô nhiễm môi trường xung quanh và gây ra sự cố môi trường./.